

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023
của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học
phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 36-NQ/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, cùng với cả nước, lĩnh vực công nghệ sinh học của Tỉnh có bước phát triển, được ứng dụng và phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và đời sống người dân. Đến cuối năm 2021, hoạt động công nghệ sinh học đóng góp gần 3% GRDP toàn Tỉnh; theo đó, Tỉnh đã tập trung đầu tư tiềm lực hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang, đã làm chủ được 53 quy trình công nghệ, thực hiện chuyển giao 06 quy trình công nghệ để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh triển khai ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

Tuy nhiên, việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tại Tỉnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, chỉ đạt mức khá so với các tỉnh, thành khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; công nghiệp sinh học đóng góp vào sự tăng trưởng của Tỉnh chưa nhiều; năng lực, nguồn lực công nghệ sinh học chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ; nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học có trình độ chuyên môn sâu, chuyên gia đầu ngành còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ việc nghiên cứu, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; việc chuyển giao, thương mại hóa các quy trình công nghệ của Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang để triển khai ứng dụng vào thực tiễn sản xuất còn ít; việc xã hội hóa các nguồn lực đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn Tỉnh còn gặp nhiều khó khăn...

Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém trên là do một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong phát triển kinh tế - xã hội; thiếu cơ chế, chính sách đối với phát triển công nghệ sinh học; việc đầu tư cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; mối liên kết giữa các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong phát

triển và ứng dụng công nghệ sinh học chưa hiệu quả; đội ngũ cán bộ chuyên môn lĩnh vực công nghệ sinh học chậm được bổ sung, chưa có nhiều kinh nghiệm; tiềm lực sản xuất của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn Tỉnh còn hạn chế...

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; là động lực quan trọng để thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn Tỉnh.

Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải hướng tới khai thác và phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của Tỉnh, từng ngành, vùng sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế.

Phát triển công nghiệp sinh học thành ngành Kinh tế - kỹ thuật quan trọng là giải pháp ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội; lấy doanh nghiệp là chủ thể, có cơ chế, chính sách vượt trội tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp sinh học. Phát triển công nghệ sinh học thành bộ đỡ vững chắc cho phát triển kinh tế nông nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sinh học; đổi mới cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để cho các thành phần kinh tế đầu tư và sản xuất sản phẩm từ công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, thực phẩm, bảo vệ môi trường,... Xây dựng ngành Công nghiệp sinh học trở thành ngành Kinh tế - kỹ thuật quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục vụ an sinh xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, đóng góp tích cực vào GRDP của Tỉnh.

Đến năm 2045, An Giang trở thành một trong những trung tâm có quy mô lớn của vùng đồng bằng sông Cửu Long về nghiên cứu quy trình canh tác, sản xuất giống rau, hoa, dược liệu, chăn nuôi, thủy sản và trung tâm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe kết hợp hỗ trợ điều trị một số bệnh trong cuộc sống hiện đại ngày nay dựa trên nền tảng đông, tây y kết hợp. Xây dựng và phát triển công nghệ sinh học trọng điểm về lĩnh vực nông nghiệp và chăm sóc sức khỏe.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Đến năm 2030

Đẩy mạnh xây dựng, phát triển nền công nghiệp sinh học đạt trình độ tiên tiến trên lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, thực phẩm, môi trường... Công nghiệp sinh học trở thành ngành Kinh tế - kỹ thuật quan trọng; các tổ chức công nghiệp sinh học tăng 50% về quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng, sản xuất ít nhất 50% sản phẩm công nghệ sinh học hiện có; phần đầu công nghiệp sinh học đóng góp 7% vào GRDP của Tỉnh, bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội trong tình hình mới.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thế mạnh của Tỉnh về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và dược liệu... Thúc đẩy các doanh nghiệp công nghiệp sinh học đầu tư sản xuất với quy mô công nghiệp và đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang làm chủ công nghệ sản xuất các nhóm sản phẩm chủ lực của Tỉnh như: nhân giống rau, hoa, dược liệu. Hình thành mạng lưới cung cấp giống rau, hoa, dược liệu tại một số vùng quy hoạch phát triển rau, hoa, dược liệu của Tỉnh.

2.2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh làm chủ được một số công nghệ sinh học thế hệ mới, tạo ra các sản phẩm ở quy mô công nghiệp ứng dụng vào thực tiễn sản xuất. Tạo ra được một số giống cây trồng, vật nuôi mang tính trạng tốt, kháng bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu, có năng suất, chất lượng cao.

Nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, tiếp cận nền tảng công nghệ hiện đại thế giới, có khả năng ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp, thúc đẩy ngành Công nghiệp sinh học tạo động lực đột phá, huy động nguồn lực phát triển tăng tối thiểu 50% các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, thực phẩm, bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế; phần đầu đóng góp khoảng 10% GRDP từ công nghiệp sinh học.

Cung cấp các giải pháp chính sách, kỹ thuật sản xuất tiên tiến mang tầm quốc tế trong nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm, mẫu mã công nghiệp, sản xuất và kinh doanh, hình thành hệ thống các doanh nghiệp công nghiệp sinh học theo chuỗi giá trị, bền vững, tuần hoàn, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trên nền tảng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Phần đầu Trung tâm công nghệ sinh học tỉnh An Giang trở thành đơn vị làm chủ công nghệ sản xuất giống rau, hoa, dược liệu của Tỉnh, hình thành mạng lưới cung cấp giống rau, hoa, dược liệu tại một số vùng phát triển rau màu, dược liệu trọng điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, ngành, lĩnh vực. Thường xuyên và kịp thời cập nhật, bổ sung nội dung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của các địa phương, ngành, lĩnh vực.

Quan tâm chỉ đạo tuyên truyền những thành tựu về công nghệ sinh học, tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đến cán bộ, đảng viên, hội viên và Nhân dân. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, ứng dụng và đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, môi trường; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học; đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, ưu tiên khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách của Tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, có chính sách thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học trên địa bàn Tỉnh bảo đảm an toàn sinh học; xây dựng các cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

Xây dựng cơ chế bảo đảm mối liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn Tỉnh; quan tâm triển khai, ứng dụng các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn Tỉnh.

Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về sản phẩm công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; xây dựng nền công nghiệp sinh học của Tỉnh

Tăng cường nghiên cứu, phổ biến và đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của Tỉnh.

Hoàn thiện, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài để phục vụ sản xuất và đời sống.

Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; các sản phẩm sinh học, các loại vắc-xin, các dòng vi sinh vật bản địa phòng bệnh, quản lý dịch hại cho vật nuôi, cây trồng; tập trung nghiên cứu ứng dụng một số công nghệ ưu tiên phục vụ cho lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, y dược, môi trường.

Phát triển, ứng dụng, hiện đại hóa công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến các sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị cao từ các nguồn nguyên liệu trong và ngoài tỉnh.

Tập trung nghiên cứu, sản xuất thuốc, vắc-xin đáp ứng nhu cầu phòng, chống dịch bệnh và khám, chữa bệnh; nghiên cứu công nghệ gen, sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc có hoạt tính sinh học cao, thực phẩm có nguồn gốc từ thảo dược nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Xây dựng kế hoạch và quy hoạch ngành Công nghiệp sinh học của Tỉnh theo hướng khai thác tối đa lợi thế của địa phương nhằm sản xuất các sản phẩm chủ lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh; tạo cầu nối liên kết doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm công nghệ sinh học.

Quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; xây dựng thương hiệu, thương mại hóa sản phẩm; quan tâm sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học được chuyển giao trong công nghệ sinh học.

Quan tâm ứng dụng các phát minh, sáng chế bảo đảm an ninh sinh học phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; chủ động ứng phó tình huống bùng nổ bệnh tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hóa học; bảo đảm an ninh sinh học trong sản xuất và nghiên cứu.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết, phối hợp với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu nhằm đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành Công nghệ sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề, đào tạo kết hợp; phối hợp tiếp nhận công nghệ nước ngoài. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực có chuyên môn công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu.

Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành; hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín trong nước và khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong lĩnh vực công nghệ sinh học; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực công nghệ sinh học có trình độ cao.

Có chính sách hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ cao.

Tập trung đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà Tỉnh có lợi thế cạnh tranh.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị - công nghệ cho Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang, sớm đưa khu thực nghiệm công nghệ sinh học, khu nông nghiệp công nghệ cao đi vào hoạt động ổn định; hiện đại hóa hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, các trung tâm đánh giá, kiểm định; xây dựng trung tâm kiểm soát dịch bệnh theo tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh.

Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và hoạt động khởi nghiệp; hỗ trợ,

phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị; thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sinh viên, đoàn viên thanh niên.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học

Tăng cường hợp tác quốc tế, tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà Việt Nam tham gia. Có chính sách mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao của thế giới; hợp tác nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế, xã hội bền vững với các quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển.

Kêu gọi, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Đặc biệt, ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học để sản xuất sản phẩm nông sản ở quy mô công nghiệp.

Chủ động tiếp cận các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học của Chính phủ, các bộ, ngành, viện nghiên cứu, trường đại học... nhằm tham gia thực hiện, tiếp nhận hỗ trợ, tài trợ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế của Trung ương và tỉnh An Giang.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Chương trình hành động này, xác định lộ trình và phân công rõ trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan, đảm bảo thực hiện đạt được mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra.

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện chính sách liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện Chương trình; rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Thường xuyên theo dõi các ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết Chương trình hành động này.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; đồng thời, tăng cường giám sát hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền đến tất cả cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân; chỉ đạo các cơ quan báo chí, phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức học tập, quán triệt trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động; xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động nhân dân thực hiện Chương trình hành động này; đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

6. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nêu cao tinh thần trách nhiệm, trực tiếp chỉ đạo cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thắng lợi, góp phần thực hiện tốt Chương trình hành động này ở địa phương, đơn vị được phân công phụ trách.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương -
Bộ phận phía Nam (để báo cáo),
- Các đơn vị cấp tỉnh (để thực hiện),
- Các huyện, thị, thành ủy
và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (để thực hiện),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn
và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn (để thực hiện),
- Các đồng chí tỉnh ủy viên (để thực hiện),
- Các đồng chí Nguyễn Việt Hùng,
Trần Việt Thành, Phạm Quang Bản,
Ngô Văn Út Nhỏ, Vũ Anh Tuấn, Trần Hoàng Kiêm,
Y Trung Niê K'Dăm, Chu Trần Trường,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Lê Hồng Quang